

Bản án số: 33 /2022/HNGĐ- ST

Ngày: 11/5/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy

Ông Nhữ Mai Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2022/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX – ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Đình T, sinh năm: 1989

Nơi ĐKNKTT: Thôn 8, xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1989

Nơi ĐKNKTT: Thôn 8, xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Đình T trình bày:

- Hôn nhân: Anh T và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01/9/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên hay cãi vã lẫn nhau. Đến năm 2019 mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau.

Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tình bày ý kiến đề ngày 20/4/2022, bị đơn chị Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Triệu Sơn ngày 01/9/2016 và có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị H xét thấy cũng không còn tình cảm với anh T nên đồng ý ly hôn cùng anh T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung

- Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Hiện tại chị đang bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân:

Anh Lê Đình T và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01/9/2016. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và sống không có hạnh phúc. Đến năm 2019 mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh T và chị H đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình T và chị Lê Thị H.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung

[4] *Về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí:* Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 , Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Đình T: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình T và chị Lê Thị H.

- Về án phí: Anh Lê Đình T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng là 300.000đ tại biên lai số 0006526 ngày 29/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS Triệu Sơn;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan

